

Số: 2234395

|                                            | Kia Sportage 2.0D Signature  | Mazda6 2.5L Signature (2024) |
|--------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>939.000.000đ</b>          | <b>899.000.000đ</b>          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700           | 4865 x 1840 x 1450           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                         | 2830                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                         | 5600                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                          | 165                          |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1650                         | 1550                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2100                         | 2000                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                          | 480                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                           | 62                           |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 5                            |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                              |
| Loại động cơ                               | Dầu 2.0L                     | Skyactiv-G 2.5L              |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1998                         | 2488                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 184 / 4000                   | 188 / 6000                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 416 / 1750-2750 rpm          | 252 / 4000                   |
| Hộp số                                     | 8AT                          | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                   | Độc lập Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm             | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                   | 225/45 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.8                          | 9.57                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.1                          | 5.33                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                          | 6.89                         |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart | Normal/Sport                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                              |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                            |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                            |
| Đèn sương mù                               | LED                          | LED                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                            |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                            |
| Cửa sổ trời                                | ●                            | ●                            |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                              |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                            |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da (Nappa)                   |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                            |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                            | ●                            |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                            |                              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                            | ●                            |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                            | ●                            |

|                                    |                |                  |
|------------------------------------|----------------|------------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi   | ●              |                  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●              | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Full-LCD 12.3" | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 12.3"      | 8                |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●              | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●              | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2              | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●              | ●                |
| Chìa khóa thông minh               | ●              | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●              | ●                |
| Khởi động từ xa                    | ●              |                  |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa          | 11 loa Bose      |
| Lấy chuyển số                      | ●              | ●                |
| Sạc không dây Qi                   | ●              | ●                |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●              | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●              | ●                |
| Đèn trang trí nội thất             | ●              |                  |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●              | ●                |

#### AN TOÀN:

|                                          |                                            |                |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|
| Số túi khí                               | 6                                          | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                          | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●                                          | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS     | ●                                          | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                          | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                          | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●                                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                          | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●                                          | -              |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                          | ●              |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                          |                |
| Camera lùi                               | ●(Tích hợp camera 360)                     | ● (Camera 360) |